

Số: 32 /2021/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 29 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập
Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2015 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;
Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật
Công chứng;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 93/TTr-STP ngày
30 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 8 năm 2021 và thay thế Quyết định số 32/2020/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về ban hành Quy định về tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Quoc*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Cục Hỗ trợ tư pháp - Bộ Tư pháp;
- Cục Công tác phía Nam - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo ĐN, Đài PT-THĐN;
- Lưu: VT, Công TTĐT, THNC.

<Maibnt 50 bản>

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cao Tiên Dũng



QUY ĐỊNH

Về tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

(Kèm theo Quyết định số 32 /2021/QĐ-UBND

ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Công chứng viên có hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng.
- b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng và thay đổi trụ sở Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Nguyên tắc xét duyệt hồ sơ

1. Việc xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai phải đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan, đúng quy định pháp luật.

2. Hồ sơ xét duyệt phải đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn thành lập Văn phòng công chứng theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy định này.

3. Việc xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng căn cứ trên các nhóm tiêu chí được quy định tại Điều 4 của Quy định này. Tổng số điểm đánh giá cho các nhóm tiêu chí là 100 điểm trên cơ sở thang điểm của từng tiêu chí đánh giá hồ sơ.

Điều 3. Trách nhiệm của công chứng viên có hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng

Công chứng viên nộp hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Công chứng, chịu trách nhiệm về tính xác thực của hồ sơ và các giấy tờ chứng minh về những nội dung trình bày trong Đề án thành lập Văn phòng công chứng.

Chương II

TIÊU CHÍ, CÁCH THỨC XÉT DUYỆT HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THÀNH LẬP VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG

Điều 4. Các nhóm tiêu chí

1. Nhóm tiêu chí về tổ chức nhân sự của Văn phòng công chứng: Công chứng viên, nhân viên nghiệp vụ, nhân sự phụ trách kế toán, nhân sự phụ trách công nghệ thông tin, nhân sự phụ trách lưu trữ: 44 điểm.

2. Nhóm tiêu chí về trụ sở làm việc của Văn phòng công chứng: 46 điểm.

3. Nhóm tiêu chí về cơ sở vật chất và trang thiết bị của Văn phòng công chứng: 3 điểm.

4. Nhóm tiêu chí về quy trình nghiệp vụ và lưu trữ: 2 điểm.

5. Nhóm tiêu chí về sự cần thiết và tính khả thi của Đề án: 5 điểm.

Điểm số các tiêu chí xét duyệt được quy định tại Phụ lục kèm theo Quy định này.

Điều 5. Các trường hợp không tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng

1. Những trường hợp không tiếp nhận hồ sơ

a) Hồ sơ không đáp ứng một trong các yêu cầu về loại hình hoạt động của Văn phòng công chứng, điều kiện đối với Trưởng Văn phòng công chứng, tên gọi của Văn phòng công chứng, trụ sở của Văn phòng công chứng theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 22 Luật Công chứng.

b) Hồ sơ có giấy tờ bị tẩy xóa, sửa chữa, thêm, bớt nội dung không hợp lệ.

2. Những trường hợp không xét duyệt hồ sơ

a) Công chứng viên không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

b) Công chứng viên bị xử lý kỷ luật mà chưa hết thời hạn xóa kỷ luật.

c) Công chứng viên bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực công chứng mà chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

d) Công chứng viên thuộc trường hợp bị miễn nhiệm công chứng viên theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật Công chứng.

đ) Trong thời hạn xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng, công chứng viên, nhân viên nghiệp vụ hoặc nhân sự khác đồng thời đứng tên trong hai hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng trở lên.

e) Đề án thành lập Văn phòng công chứng không có giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng công chứng hoặc trụ sở Văn phòng công chứng không đảm bảo tính pháp lý theo quy định (chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất hoặc đất sử dụng không đúng mục đích đã được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất).

3. Trường hợp hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng sau khi xét duyệt và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép thành lập nhưng phát hiện thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thì Sở Tư pháp có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng.

Điều 6. Thành lập Tổ xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng

1. Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm thành lập Tổ xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng (viết tắt là Tổ xét duyệt).

Tổ xét duyệt có từ 5 đến 7 thành viên, trong đó đại diện lãnh đạo Sở Tư pháp làm tổ trưởng, các thành viên Tổ xét duyệt gồm: Đại diện Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ và đại diện các phòng chuyên môn và tương đương thuộc Sở Tư pháp.

2. Tổ xét duyệt có trách nhiệm kiểm tra, chấm điểm hồ sơ và tham mưu cho Giám đốc Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép thành lập Văn phòng công chứng hoặc từ chối hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng theo quy định.

Điều 7. Cách thức xét duyệt và chấm điểm hồ sơ

1. Việc xét duyệt và chấm điểm hồ sơ phải được lập thành biên bản và có chữ ký của các thành viên Tổ xét duyệt.

2. Tổ xét duyệt căn cứ quy định của Luật Công chứng và các quy định pháp luật có liên quan, tiêu chí, thang điểm được quy định tại Quy định này và nội dung Đề án để thực hiện việc xét duyệt và chấm điểm.

3. Căn cứ kết quả chấm điểm hồ sơ và các quy định pháp luật có liên quan, Giám đốc Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc cho phép thành lập Văn phòng công chứng hoặc từ chối hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng theo quy định.

Điều 8. Xét duyệt hồ sơ và quyết định cho phép thành lập

1. Hồ sơ đạt kết quả xét duyệt phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đối với địa bàn thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh và các huyện: Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom: Đạt tối thiểu từ 85 điểm trở lên.

b) Đối với địa bàn các huyện còn lại: Đạt tối thiểu từ 75 điểm trở lên.

c) Các nhóm tiêu chí được quy định tại Điều 4 Quy định này phải đạt tối thiểu 50% số điểm của nhóm tiêu chí.

2. Giám đốc Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng theo quy định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Khiếu nại, tố cáo

1. Công chứng viên nộp hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng có quyền khiếu nại về việc từ chối cho phép thành lập Văn phòng công chứng khi có căn cứ cho rằng việc từ chối là trái với quy định của Luật Công chứng, các văn bản hướng dẫn thi hành và Quy định này.

2. Công chứng viên nộp hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng có quyền tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các hành vi vi phạm pháp luật và Quy định này trong việc tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng.

3. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc tiếp nhận và xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh và giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc tiếp nhận và xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng theo quy định.

Văn phòng công chứng đang hoạt động trên địa bàn tỉnh có nhu cầu thay đổi trụ sở phải nêu lý do thay đổi trụ sở và đánh giá sự cần thiết phải có Văn phòng công chứng trên địa bàn mới mà Văn phòng công chứng dự kiến chuyển trụ sở đến (có số liệu cụ thể để chứng minh) trong Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động. Tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị thay đổi trụ sở, Văn phòng công chứng phải có từ 2 công chứng viên hợp danh trở lên, đồng thời phải đảm bảo các tiêu chí về trụ sở được quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này, cụ thể như sau:

a) Trường hợp thay đổi trụ sở từ địa bàn cấp huyện này sang địa bàn cấp huyện khác phải đạt 100% số điểm nhóm tiêu chí về trụ sở.

b) Trường hợp thay đổi trụ sở trong cùng địa bàn cấp huyện phải đạt tối thiểu 80% số điểm nhóm tiêu chí về trụ sở.

2. Giao Sở Tư pháp tổ chức triển khai thực hiện Quy định này, trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ theo quy định pháp luật./.



Phụ lục
Về tiêu chí và điểm số xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập
Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
(Kèm theo Quyết định số 32 /2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	TIÊU CHÍ XÉT DUYỆT	ĐIỂM SỐ XÉT DUYỆT
Tổng số điểm đánh giá cho các nhóm tiêu chí		100
I	Nhóm tiêu chí về tổ chức nhân sự của Văn phòng công chứng	44
1	Công chứng viên	33
1.1	Số lượng công chứng viên	18
a	Mỗi công chứng viên là thành viên hợp danh có văn bản cam kết thời gian hành nghề từ đủ 12 tháng trở lên kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hoạt động lần đầu	4 điểm/người (tối đa 12 điểm)
b	Mỗi công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng có văn bản cam kết thời gian hành nghề từ đủ 6 tháng trở lên kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hoạt động lần đầu	3 điểm/người (Tối đa 6 điểm)
1.2	Kinh nghiệm của công chứng viên	15
a	Công chứng viên hợp danh đã có thời gian hành nghề công chứng tại các tổ chức hành nghề công chứng sau khi bổ nhiệm công chứng viên	9
	- Dưới 2 năm	1 điểm/người (tối đa 3 điểm)
	- Từ đủ 2 năm đến dưới 5 năm	2 điểm/người (tối đa 6 điểm)
	- Từ đủ 5 năm trở lên	3 điểm/người (tối đa 9 điểm)
b	Công chứng viên dự kiến là Trưởng Văn phòng công chứng có thời gian làm Trưởng Văn phòng công chứng hoặc Trưởng phòng công chứng	5
	- Dưới 3 năm	1

STT	TIÊU CHÍ XÉT DUYỆT	ĐIỂM SỐ XÉT DUYỆT
	- Từ đủ 3 năm đến dưới 5 năm	3
	- Từ đủ 5 năm trở lên	5
c	Công chứng viên dự kiến là Trưởng Văn phòng công chứng có bằng cấp hoặc giấy tờ chứng minh đã qua lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về quản trị	1
2	Nhân viên nghiệp vụ	5
a	Mỗi nhân viên nghiệp vụ	0,5 (Tối đa 2 điểm)
b	Đề án thành lập Văn phòng công chứng có tất cả nhân viên nghiệp vụ đều tốt nghiệp đại học chuyên ngành Luật trở lên	1
c	Đề án thành lập Văn phòng công chứng có từ đủ 3/4 tổng số nhân viên nghiệp vụ có Giấy chứng nhận đã hoàn thành chương trình đào tạo hoặc chương trình bồi dưỡng nghề công chứng do Học viện Tư pháp cấp	1
d	Đề án thành lập Văn phòng công chứng có từ đủ 3/4 tổng số nhân viên nghiệp vụ có thời gian công tác nghiệp vụ công chứng kể từ khi có bằng đại học chuyên ngành luật từ đủ 5 năm trở lên	1
3	Nhân sự phụ trách kế toán	2
a	Có bằng Cao đẳng trở lên chuyên ngành kế toán	1
b	Có thời gian làm công tác kế toán từ đủ 5 năm trở lên	1
4	Nhân sự phụ trách công nghệ thông tin	2
a	Có bằng Cao đẳng trở lên thuộc nhóm ngành công nghệ thông tin	1
b	Có thời gian làm công tác công nghệ thông tin từ đủ 5 năm trở lên	1
5	Nhân sự phụ trách lưu trữ	2
a	Có bằng Cao đẳng trở lên chuyên ngành lưu trữ	1
b	Có thời gian làm công tác lưu trữ từ đủ 5 năm trở lên	1

STT	TIÊU CHÍ XÉT DUYỆT	ĐIỂM SỐ XÉT DUYỆT
II	Nhóm tiêu chí về trụ sở làm việc của Văn phòng công chứng	46
1	Vị trí đặt trụ sở	20
a	Đặt tại địa bàn cấp huyện đã có từ 1 đến 3 tổ chức hành nghề công chứng	10
b	Đặt tại địa bàn cấp huyện đã có từ 4 đến 6 tổ chức hành nghề công chứng	7
c	Đặt tại địa bàn cấp huyện đã có từ 7 tổ chức hành nghề công chứng trở lên	3
d	Có khoảng cách hợp lý so với các tổ chức hành nghề công chứng đang hoạt động	10
	- Từ đủ 5 km đến dưới 7 km	3
	- Từ đủ 7 km đến dưới 10km	7
	- Từ đủ 10 km trở lên	10
2	Diện tích trụ sở làm việc của Văn phòng công chứng	15
a	Từ đủ 150m ² đến dưới 200m ²	5
b	Từ đủ 200m ² đến dưới 300m ²	10
c	Từ đủ 300m ² trở lên	15
3	Tổ chức bố trí trụ sở Văn phòng công chứng	3
	Có bản vẽ kỹ thuật và sơ đồ bố trí mặt bằng trụ sở. Trong đó từng khu vực, vị trí làm việc phải đảm bảo diện tích tối thiểu theo quy định: <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích phòng làm việc của Trưởng Văn phòng công chứng từ đủ 12m² trở lên - Diện tích phòng làm việc của công chứng viên và người lao động từ đủ 10m²/người trở lên - Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ yêu cầu công chứng tối thiểu 30m² - Kho lưu trữ hồ sơ công chứng có diện tích từ đủ 30m² trở lên - Có khu vệ sinh cho người yêu cầu công chứng 	3

STT	TIÊU CHÍ XÉT DUYỆT	ĐIỂM SỐ XÉT DUYỆT
4	Tổ chức, bố trí địa điểm giữ xe	4
a	Diện tích giữ xe từ đủ 50m ² đến dưới 100m ²	2
b	Diện tích giữ xe từ đủ 100m ² trở lên	4
c	Trường hợp Văn phòng công chứng không có diện tích dành cho việc giữ xe liên kề trụ sở nhưng có bố trí địa điểm giữ xe (thuê, mượn chỗ giữ xe, sử dụng bãi đỗ xe công cộng) trong phạm vi khoảng cách 100m tính từ trụ sở Văn phòng công chứng thì được tính 50% so với số điểm của diện tích tương ứng	Tối đa 2 điểm
5	Tính pháp lý, ổn định của trụ sở Văn phòng công chứng	4
a	Trụ sở Văn phòng công chứng có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và có hợp đồng thuê, mượn từ đủ 3 năm đến dưới 5 năm, kèm theo văn bản cam đoan của các công chứng viên hợp danh về việc bảo đảm duy trì trụ sở hoạt động của Văn phòng công chứng theo đúng thời gian thuê, mượn được ghi trong hợp đồng	2
b	Trụ sở Văn phòng công chứng có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của một trong các công chứng viên hợp danh đề nghị thành lập Văn phòng công chứng hoặc có hợp đồng thuê, mượn từ đủ 5 năm trở lên, kèm theo văn bản cam đoan của các công chứng viên hợp danh về việc bảo đảm duy trì trụ sở hoạt động của Văn phòng công chứng từ đủ 60 tháng trở lên	4
III	Nhóm tiêu chí về cơ sở vật chất và trang thiết bị của Văn phòng công chứng	3
1	Có phương án trang bị máy tính, máy photocopy, máy fax, bàn ghế làm việc, bàn ghế tiếp khách, tủ đựng tài liệu và các trang thiết bị cần thiết khác đảm bảo cho hoạt động của Văn phòng	1
2	Có phương án lắp đặt phương tiện kết nối internet; đăng ký địa chỉ thư điện tử của Văn phòng công chứng, sử dụng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu công chứng, quản lý kế toán	1
3	Có lắp đặt thiết bị về phòng chống cháy nổ	1

STT	TIÊU CHÍ XÉT DUYỆT	ĐIỂM SỐ XÉT DUYỆT
IV	Nhóm tiêu chí về quy trình nghiệp vụ và lưu trữ	2
1	Xây dựng quy trình nghiệp vụ công chứng chặt chẽ, đúng quy định pháp luật	1
2	Xây dựng quy trình lưu trữ khoa học, đúng quy định pháp luật	1
V	Nhóm tiêu chí về sự cần thiết và tính khả thi của Đề án	5
1	Đánh giá được sự cần thiết thành lập Văn phòng công chứng (gắn với nhu cầu công chứng, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội tại địa bàn cấp huyện nơi đặt trụ sở Văn phòng công chứng, có số liệu cụ thể để chứng minh)	Tối đa 3 điểm
2	Xác định được thời gian, tiến độ, biện pháp bảo đảm thực hiện đầy đủ nội dung được quy định tại Phụ lục này	1
3	Xây dựng nội quy, quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng công chứng đúng quy định pháp luật	1